|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ CÔNG THƯƠNG**  Dự thảo 2 | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2026* |

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO THÔNG TƯ VỚI QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ** | **DỰ THẢO VĂN BẢN** | **THUYẾT MINH** |
| *Tên Thông tư:*  Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương | *Tên Thông tư:*  Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và ***Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý ngoại thương*** | Ngày tháng năm 2026, Chính phủ ban hành Nghị định số /2026/NĐ-CP thay thế Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương, theo đó, tên của Thông tư được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. |
| Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;  Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;  Căn cứ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương;  Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu;  Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương. | ***Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;***  ***Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11;***  *Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14;*  ***Căn cứ Quy chế chứng nhận Quy trình Kimberley đối với kim cương thô được ký kết vào ngày 05 tháng 11 năm 2002 tại Interlaken, Thụy Sĩ;***  ***Căn cứ Nghị định số******[40/2025/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-dinh-40-2025-ND-CP-chuc-nang-nhiem-vu-quyen-han-va-co-cau-to-chuc-Bo-Cong-Thuong-644689.aspx" \t "_blank) ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số******[109/2025/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-dinh-109-2025-ND-CP-chuc-nang-nhiem-vu-quyen-han-co-cau-to-chuc-Thanh-tra-Chinh-phu-657631.aspx" \t "_blank) và Nghị định số******[193/2025/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Nghi-dinh-193-2025-ND-CP-huong-dan-Luat-Dia-chat-khoang-san-641753.aspx" \t "_blank);***  ***Căn cứ Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý ngoại thương;***  ***Thực hiện Chỉ thị số 1600/2002/CT-QHQT-VPCP ngày 13 tháng 12 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc Việt Nam tham gia Quy chế Chứng nhận Quy trình Kimberley đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu kim cương thô;***  *Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu;*  *Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý ngoại thương.* | Các căn cứ pháp lý được kế thừa theo quy định tại Thông tư số 12/2018/TT-BCT, tuy nhiên, cập nhật, sửa đổi cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành do một số văn bản quy phạm pháp luật là căn cứ xây dựng Thông tư đã được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung đồng thời bổ sung các căn cứ pháp lý liên quan đến quy định về xuất nhập khẩu kim cương thô. |
| **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Thông tư này quy định:  1. Chi tiết Danh mục hàng tiêu dùng, thiết bị y tế, phương tiện đã qua sử dụng cấm nhập khẩu theo mã số hàng hóa (mã HS) thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương.  2. Chi tiết Danh mục hàng hóa tạm ngừng kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu theo mã HS.  3. Các mẫu đơn, mẫu báo cáo, biểu mẫu và cơ quan cấp giấy phép của Bộ Công Thương theo quy định tại Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương (sau đây gọi tắt là Nghị định số 69/2018/NĐ-CP).  4. Hạn ngạch thuế quan nhập khẩu.  **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  Thông tư này áp dụng đối với thương nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động ngoại thương theo quy định tại Luật Quản lý ngoại thương. | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Thông tư này quy định:  1. Chi tiết Danh mục hàng tiêu dùng và phương tiện đã qua sử dụng cấm nhập khẩu theo mã số hàng hóa (mã HS) thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương.  2. Chi tiết Danh mục kim cương thô xuất khẩu, nhập khẩu theo Quy chế Chứng nhận Quy trình Kimberley.  3. Quy định về xuất khẩu, nhập khẩu kim cương thô theo Quy chế Chứng nhận Quy trình Kimberley.  4. Hạn ngạch thuế quan nhập khẩu.  5. Biểu mẫu cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 62 Nghị định số …/2026/NĐ-CPngày tháng năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý ngoại thương.  **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  Thông tư này áp dụng đối với thương nhân tham gia hoạt động ngoại thương; tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động ngoại thương theo quy định tại Luật Quản lý ngoại thương. | Phạm vi điều chỉnh của dự thảo Thông tư đã được chỉnh sửa, bổ sung để đảm bảo phù hợp với quy định tại Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số /2026/NĐ-CP, cụ thể, bổ sung quy định về:   * Danh mục kim cương thô xuất khẩu, nhập khẩu theo Quy chế Chứng nhận Quy trình Kimberley * Xuất khẩu, nhập khẩu kim cương thô theo Quy chế Chứng nhận Quy trình Kimberley (sau đây gọi là Quy chế Chứng nhận KP).   - Biểu mẫu cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 62 Nghị định số …/2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý ngoại thương. |
|  | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  Trong Thông tư này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:   1. Kim cương là loại khoáng sản tự nhiên được cấu thành chủ yếu từ các-bon tinh thể nguyên chất sắp xếp đẳng thước, thang độ cứng Mohs (trầy xước) bằng 10, có trọng lượng riêng xấp xỉ bằng 3,52 và có chỉ số khúc xạ bằng 2,42. 2. Nước thành viên là một quốc gia hoặc một tổ chức hội nhập kinh tế khu vực mà tại đó Quy chế Chứng nhận KP có hiệu lực. 3. Tổ chức hội nhập kinh tế khu vực là một tổ chức bao gồm các quốc gia có chủ quyền được trao quyền về các vấn đề mà Quy chế Chứng nhận KP điều chỉnh. 4. Giấy chứng nhận quy trình Kimberley (sau đây gọi là Giấy chứng nhận KP) là tài liệu có thuộc tính chống làm giả có kích thước và định dạng đặc thù, chứng nhận một lô hàng kim cương thô tuân thủ các yêu cầu của Quy chế Chứng nhận KP do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp. | Bổ sung quy định về giải thích từ ngữ để đảm bảo tính thống nhất và thuận tiện trong quá trình thực thi văn bản. |
| **Điều 3. Danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu**  Ban hành chi tiết Danh mục hàng tiêu dùng, thiết bị y tế, phương tiện đã qua sử dụng cấm nhập khẩu theo mã HS thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này. | **Điều 4. Danh mục hàng tiêu dùng và phương tiện đã qua sử dụng cấm nhập khẩu**  Ban hành chi tiết Danh mục hàng tiêu dùng và phương tiện đã qua sử dụng cấm nhập khẩu theo mã số hàng hóa (mã HS) thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này. | Về cơ bản, Danh mục hàng tiêu dùng và phương tiện đã qua sử dụng cấm nhập khẩu được kế thừa từ Danh mục hàng tiêu dùng, thiết bị y tế và phương tiện đã qua sử dụng cấm nhập khẩu tại Phụ lục I Thông tư số 12 (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 08/2023/TT-BCT). Trong đó:  + Lược bỏ khỏi danh mục các mặt hàng có mã HS 39269039, 39369039, 61151010, 62114310, 62129011, 62129091, 9018, 9021, một số dòng thuộc nhóm 9022 vì theo quy định tại Thông tư số 19/2024/TT-BYT của Bộ Y tế, các mặt hàng trên thuộc Danh mục thiết bị y tế xuất khẩu, nhập khẩu đã được xác định mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, do đó, theo quy định tại Phụ lục I Nghị định, không thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương.  + Lược bỏ khỏi danh mục các mặt hàng là thiết bị sử dụng tia X (gồm thiết bị sử dụng tia X kiểm tra vật lý các điểm hàn nối trên tấm mạch in/tấm dây in; bộ phận và phụ kiện của thiết bị sử dụng tia X để kiểm tra vật lý các điểm hàn nối trên tấm mạch in đã lắp ráp; và các loại thiết bị sử dụng tia X khác), có mã HS 9022.19, 90222900, 90223000, 902290. Do đây là các thiết bị chủ yếu dùng trong công nghiệp, phục vụ sản xuất.  + Lược bỏ khỏi danh mục một số loại quạt chỉ dùng trong công nghiệp, không phải là hàng tiêu dùng nhưng đang liệt kê trong Danh mục này do mã HS không có sự phân biệt giữa hàng tiêu dùng và hàng phục vụ trong công nghiệp. |
| Điều 4. Danh mục hàng hoá tạm ngừng kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu  1. Ban hành chi tiết Danh mục hàng hóa tạm ngừng kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu theo mã HS tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này.  2. Danh mục hàng hoá quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng đối với trường hợp kinh doanh chuyển khẩu theo hình thức hàng hóa được vận chuyển thẳng từ nước xuất khẩu đến nước nhập khẩu, không qua cửa khẩu Việt Nam. | **Điều 5. Danh mục kim cương thô xuất khẩu, nhập khẩu theo Quy chế Chứng nhận Quy trình Kimberley**  Ban hành chi tiết Danh mục kim cương thô xuất khẩu, nhập khẩu theo Quy chế Chứng nhận Quy trình Kimberley (sau đây gọi là Quy chế Chứng nhận KP) theo mã số hàng hóa (mã HS) thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này. | Hiện Cục Xuất nhập khẩu đang xây dựng dự thảo Thông tư quy định riêng về Danh mục hàng hoá tạm ngừng kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu và thời hạn kết thúc việc tạm ngừng này. Do đó, đề xuất bỏ quy định về Danh mục hàng hoá tạm ngừng kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu tại dự thảo Thông tư này.  Ngoài ra, theo quy định tại Phụ lục II Nghị định số /2026/NĐ-CP, mặt hàng kim cương thô thuộc diện hàng hóa quản lý theo giấy phép. Do đó, theo phân công tại khoản 2 Điều 8 và Phụ lục II Nghị định số /2026/NĐ-CP, đề nghị bổ sung quy định chi tiết mã HS đối với kim cương thô xuất khẩu, nhập khẩu theo Quy chế Chứng nhận Quy trình Kimberley tại dự thảo Thông tư.  Quy định này được kế thừa từ Thông tư liên tịch số 14/2009/TTLT-BCT-BTC của Bộ Công Thương và Bộ Tài chính và phải tuân thủ quy định tại Quy chế Chứng nhận Quy trình Kimberley (KPCS) (được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 25/2012/TT-BCT ngày 17 tháng 9 năm 2012 và Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BCT-BTC ngày 03 tháng 01 năm 2012). |
| **Điều 5. Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS)**  1. Mẫu đơn đề nghị cấp CFS quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.  2. Cơ quan cấp CFS đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương:  - Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Hà Nội - Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương, địa chỉ: 25 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.  - Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Đà Nẵng - Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương, địa chỉ: 7B Cách Mạng Tháng Tám, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.  - Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực thành phố Hồ Chí Minh - Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương, địa chỉ: Lầu 8, tòa nhà 12 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.  **Điều 6. Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác; Giấy phép tạm xuất, tái nhập; Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu**  1. Mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.  2. Mẫu báo cáo tình hình thực hiện Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất, Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu đã được cấp quy định tại điểm d khoản 1 và điểm d khoản 4 Điều 19 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP quy định tại Phụ V ban hành kèm theo Thông tư này.  3. Cơ quan cấp giấy phép: Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương, địa chỉ: Số 54 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.  **Điều 7. Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất**  1. Mẫu đơn đề nghị cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.  2. Mẫu giấy xác nhận việc ký quỹ của doanh nghiệp quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.  3. Mẫu báo cáo định kỳ tình hình kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa để thực hiện quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này.  Báo cáo định kỳ hàng quý gửi trước ngày 10 của tháng đầu quý sau về Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương, địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội và qua địa chỉ email tiếp nhận báo cáo của Cục Xuất nhập khẩu.  4. Cơ quan cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất: Bộ Công Thương, địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.  **Điều 8. Giấy phép quá cảnh hàng hóa**  1. Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép quá cảnh hàng hoá quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này.  2. Cơ quan cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa: Bộ Công Thương, địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.  3. Đối với hàng hóa quá cảnh của các nước có chung đường biên giới, có ký kết Hiệp định quá cảnh hàng hóa với Việt Nam thì thực hiện theo quy định của Hiệp định đó và hướng dẫn của Bộ Công Thương.  **Điều 9. Giấy phép sản xuất, gia công xuất khẩu quân phục và Giấy phép nhập khẩu mẫu quân phục**  1. Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất, gia công xuất khẩu quân phục cho các lực lượng vũ trang nước ngoài quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này.  2. Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu mẫu quân phục để nghiên cứu, sản xuất gia công xuất khẩu cho các lực lượng vũ trang nước ngoài quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này.  3. Cơ quan cấp giấy phép: Bộ Công Thương, địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. |  | - Bỏ các quy định về Mẫu đơn tại các Điều 5, 6, 7, 8, 9 Thông tư số 12/2018/TT-BCT do các mẫu đơn này đã được quy định tại Nghị định số /2026/NĐ-CP. Cụ thể, bãi bỏ các mẫu đơn:  + Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất; tạm xuất, tái nhập và chuyển khẩu.  + Mẫu báo cáo tình hình thực hiện Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu.  + Mẫu đơn đề nghị cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất.  + Mẫu Giấy xác nhận việc ký quỹ của doanh nghiệp.  + Mẫu báo cáo định kỳ tình hình kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa.  + Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa.  + Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất, gia công xuất khẩu quân phục cho các lực lượng vũ trang nước ngoài.  + Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu hàng mẫu quân phục. |
| **Điều 10. Phối hợp cung cấp thông tin**  1. Tổng cục Hải quan cung cấp thông tin, số liệu cho Bộ Công Thương để phục vụ công tác điều hành theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP. Thông tin, số liệu cung cấp theo các biểu mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này, cụ thể như sau:  a) Biểu mẫu thông tin số liệu thống kê về hoạt động kinh doanh tạm nhập, tái xuất: Mẫu 1.  b) Biểu mẫu thống kê các vụ việc vi phạm quy định về kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu: Mẫu 2.  2. Biểu mẫu cung cấp thông tin định kỳ hàng quý gửi trước ngày 10 của tháng đầu quý sau về Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương, địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội và qua địa chỉ email tiếp nhận số liệu của Cục Xuất nhập khẩu. | ***Điều 16. Phối hợp cung cấp thông tin***   1. ***Cục Hải quan cung cấp thông tin, số liệu hàng tháng, hàng quý và đột xuất theo yêu cầu về các doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất; các loại hình kinh doanh; kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu theo mặt hàng, thị trường cho Bộ Công Thương để phục vụ công tác điều hành theo quy định tại khoản 5 Điều 62 Nghị định số /2026/NĐ-CP. Thông tin, số liệu cung cấp theo các biểu mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này, cụ thể như sau:*** 2. ***Biểu mẫu thông tin số liệu thống kê về kim ngạch nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan: Mẫu 01*** 3. ***Biểu mẫu thông tin số liệu về doanh nghiệp nhập khẩu mặt hàng hạn ngạch thuế quan: Mẫu 02*** 4. ***Biểu mẫu thông tin số liệu về hoạt động nhập khẩu các mặt hàng cấm nhập khẩu được cấp giấy phép theo quy định tại Điều 5 Nghị định số /2026/NĐ-CP: Mẫu 03*** 5. ***Biểu mẫu thông tin số liệu về hoạt động xuất khẩu các mặt hàng cấm xuất khẩu được cấp giấy phép theo quy định tại Điều 5 Nghị định số /2026/NĐ-CP: Mẫu 04***   ***đ) Biểu mẫu thông tin số liệu về hoạt động tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác, tạm xuất, tái nhập theo quy định tại Điều Nghị định số /2026/NĐ-CP: Mẫu 05***   1. ***Biểu mẫu thông tin số liệu về hoạt động kinh doanh tạm nhập, tái xuất, các loại hình kinh doanh: Mẫu 06***   ***g) Biểu mẫu thống kê các vụ việc vi phạm quy định về kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu: Mẫu 07***  ***h) Biểu mẫu thông tin số liệu về tình hình xuất khẩu, nhập khẩu các lô hàng kim cương thô: Mẫu 08***   1. ***Biểu mẫu cung cấp thông tin định kỳ hàng quý gửi trước ngày 15 của tháng đầu quý sau về Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu) theo địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội và qua địa chỉ email tiếp nhận số liệu của Cục Xuất nhập khẩu hoặc theo hình thức thông tin trên cơ sở chia sẻ dữ liệu Hải quan.*** 2. ***Biểu mẫu cung cấp thông tin định kỳ hàng tháng gửi trước ngày 15 của tháng liền sau đó về Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu) theo địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội và qua địa chỉ email tiếp nhận số liệu của Cục Xuất nhập khẩu hoặc theo hình thức thông tin trên cơ sở chia sẻ dữ liệu Hải quan.*** 3. ***Cục Hải quan cung cấp cho Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu) dữ liệu tờ khai hải quan điện tử đối với mặt hàng kim cương thô nhập khẩu và xuất khẩu.*** | * Quy định được kế thừa từ Thông tư số 12/2018/TT-BCT tuy nhiên được rà soát, bổ sung quy định đầy đủ hơn về các biểu mẫu cung cấp thông tin, thời điểm và phương thức cung cấp số liệu bảo đảm đúng quy định. * Bổ sung quy định về việc Cục Hải quan cung cấp cho Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu) dữ liệu tờ khai hải quan điện tử đối với mặt hàng kim cương thô nhập khẩu và xuất khẩu để phù hợp với phương án cắt giảm đơn giản hóa thủ tục hành chính tại Quyết định số 1848/QĐ-TTg phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài chính. |
| **Điều 11. Danh mục hàng hóa quản lý theo hạn ngạch thuế quan nhập khẩu**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Tên hàng hoá** | **Mã HS**  (Áp dụng đối với toàn bộ các mã 8 số  thuộc nhóm 4 số) | | 1 | Đường tinh luyện, đường thô | 1701 | | 2 | Muối | 2501 | | 3 | Thuốc lá nguyên liệu | 2401 | | 4 | Trứng gia cầm | 0407  (Không bao gồm trứng đã thụ tinh để ấp thuộc các mã HS: 04071110, 04071190, 04071911, 04071919, 04071991 và 04071999) | | **Điều 6. Các phương thức phân giao hạn ngạch thuế quan nhập khẩu**  1. Đấu giá hạn ngạch thuế quan nhập khẩu  Bộ Công Thương tổ chức đấu giá công khai hạn ngạch thuế quan đối với từng mặt hàng trong phạm vi lượng hạn ngạch được giao hằng năm. Thương nhân trúng đấu giá được cấp thông báo giao hạn ngạch thuế quan tương ứng để thực hiện nhập khẩu theo quy định.  2. Trừ lùi hạn ngạch thuế quan nhập khẩu tại cơ quan hải quan  Khi thương nhân đăng ký tờ khai hải quan nhập khẩu, cơ quan Hải quan thực hiện việc trừ lùi số lượng hạn ngạch thuế quan cho đến khi lượng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu do Bộ Công Thương công bố đã thực hiện hết.  Thương nhân đăng ký được hưởng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu nếu lượng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu tại thời điểm đăng ký chưa vượt quá tổng lượng hạn ngạch thuế quan do Bộ Công Thương công bố.   3. Xét duyệt hồ sơ  Căn cứ mục tiêu quản lý nhà nước và cam kết của Việt Nam tại các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, Bộ Công Thương xét duyệt hồ sơ căn cứ vào tiêu chí phân giao hạn ngạch thuế quan cụ thể gồm: năng lực của thương nhân, khối lượng hoặc tỷ trọng nhập khẩu của thương nhân trong một hoặc một số năm trước liền kề.  Trên cơ sở hồ sơ đáp ứng quy định, Bộ Công Thương cấp thông báo phân giao hạn ngạch thuế quan nhập khẩu cho thương nhân để thực hiện việc nhập khẩu theo quy định.  4. Trường hợp cần thiết, Bộ Công Thương quyết định phương thức phân giao quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 hoặc khoản 3 Điều này hoặc kết hợp các phương thức phân giao hạn ngạch thuế quan quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, bảo đảm phù hợp với cam kết quốc tế và yêu cầu quản lý nhà nước trong từng thời kỳ. | Dự thảo Thông tư không quy định về danh mục hàng hóa quản lý theo hạn ngạch thuế quan mà chỉ quy định về các phương thức phân giao hạn ngạch thuế quan. Theo đó có 03 phương thức gồm:   * Đấu giá hạn ngạch thuế quan nhập khẩu * Trừ lùi hạn ngạch thuế quan nhập khẩu tại cơ quan hải quan * Phân giao theo xét duyệt hồ sơ   Dự thảo Thông tư cũng quy định nguyên tắc: Trường hợp cần thiết, Bộ Công Thương xem xét các tiêu chí liên quan khác như năng lực của thương nhân, khối lượng hoặc tỷ trọng nhập khẩu của thương nhân trong một hoặc một số năm trước liền kề để quyết định phương thức phân giao quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 hoặc khoản 3 Điều này hoặc kết hợp các phương thức phân giao hạn ngạch thuế quan quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, bảo đảm phù hợp với cam kết quốc tế và yêu cầu quản lý nhà nước trong từng thời kỳ. |
| **Điều 12. Quyết định và công bố lượng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu**  1. Lượng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu của năm tiếp theo đối với các mặt hàng muối, trứng gia cầm, đường tinh luyện, đường thô do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định và thông báo cho Bộ Công Thương chậm nhất trước ngày 15 tháng 11 hàng năm.  2. Lượng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu của năm tiếp theo đối với mặt hàng thuốc lá nguyên liệu do Bộ Công Thương quyết định trước ngày 15 tháng 11 hàng năm.  3. Trên cơ sở cam kết quốc tế, lượng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu đã được quyết định hàng năm theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, Bộ Công Thương chính thức công bố lượng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu hàng năm và quy định phương thức điều hành đối với từng mặt hàng. | **Điều 8. Công bố việc phân giao hạn ngạch thuế quan nhập khẩu**  1. Hàng năm, Bộ Công Thương trao đổi với Bộ, cơ quan ngang Bộ có thẩm quyền quản lý về lượng và thời điểm phân giao hạn ngạch thuế quan nhập khẩu.  2. Trên cơ sở cam kết quốc tế và ý kiến của Bộ, cơ quan ngang Bộ có thẩm quyền quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ Công Thương ban hành Quyết định công bố phương thức phân giao, đối tượng phân giao, lượng và thời điểm phân giao hạn ngạch thuế quan nhập khẩu đối với từng mặt hàng. | Bãi bỏ quy định liên quan đến lượng hạn ngạch thuế quan cụ thể của từng mặt hàng.  Bổ sung quy định về nguyên tắc phân giao hạn ngạch thuế quan tại dự thảo Thông tư. Theo đó, trên cơ sở cam kết quốc tế và ý kiến của Bộ, cơ quan ngang Bộ có thẩm quyền quản lý, Bộ Công Thương ban hành Quyết định công bố phương thức phân giao, đối tượng phân giao, lượng và thời điểm phân giao hạn ngạch thuế quan nhập khẩu đối với từng mặt hàng. |
| **Điều 13. Áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu đối với hàng hóa quản lý theo hạn ngạch thuế quan nhập khẩu**  1. Thương nhân được Bộ Công Thương cấp Giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan hoặc được Bộ Công Thương thông báo bằng văn bản quyền sử dụng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu thì được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu trong hạn ngạch thuế quan đối với số lượng hàng hóa nhập khẩu ghi trong Giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan hoặc ghi trong thông báo quyền sử dụng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu.  2. Đối với số lượng hàng hóa nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan thì được áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan.  3. Các trường hợp áp dụng phương thức điều hành hạn ngạch thuế quan nhập khẩu khác với phương thức quản lý quy định tại khoản 1 Điều này thì thực hiện theo quy định, hướng dẫn của Bộ Công Thương.  4. Thuế suất thuế nhập khẩu trong hạn ngạch thuế quan và thuế suất thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan thực hiện theo quy định của Chính phủ. |  | Bỏ quy định về áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu đối với hàng hóa quản lý theo hạn ngạch thuế quan vì không cần thiết, do nội dung này thực hiện theo quy định pháp luật thuế và hải quan. |
| **Điều 14. Đối tượng được xem xét cấp Giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan**  1. Đối với mặt hàng thuốc lá nguyên liệu: Thương nhân có giấy phép sản xuất thuốc lá điếu do Bộ Công Thương cấp và có nhu cầu sử dụng thuốc lá nguyên liệu nhập khẩu cho sản xuất thuốc lá điếu.  2. Đối với mặt hàng muối: Thương nhân có nhu cầu sử dụng muối cho sản xuất được cơ quan quản lý chuyên ngành xác nhận.  3. Đối với mặt hàng trứng gia cầm: Thương nhân có nhu cầu nhập khẩu trứng gia cầm.  4. Đối với mặt hàng đường tinh luyện, đường thô: Thực hiện theo hướng dẫn hàng năm của Bộ Công Thương trên cơ sở trao đổi ý kiến với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính.  5. Bộ Công Thương xác định thời điểm phân giao hạn ngạch thuế quan đối với mặt hàng quy định tại khoản 1 Điều này.  Đối với các mặt hàng quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này, Bộ Công Thương trao đổi với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính để xác định thời điểm phân giao hạn ngạch thuế quan. | **Điều 7. Đối tượng được phân giao hạn ngạch thuế quan nhập khẩu**  Thương nhân được phân giao hạn ngạch thuế quan nhập khẩu như sau:  a) Đối với mặt hàng thuốc lá nguyên liệu: Thương nhân có Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá hoặc Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá do cơ quan có thẩm quyền cấp và có nhu cầu sử dụng thuốc lá nguyên liệu nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan để sản xuất hoặc chế biến nguyên liệu phục vụ sản xuất thuốc lá điếu tiêu thụ trong nước.  b) Đối với mặt hàng muối: Thương nhân có nhu cầu sử dụng muối nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan để sản xuất thuốc, sản phẩm y tế và hóa chất.  c) Đối với mặt hàng trứng gia cầm: Thương nhân có nhu cầu sử dụng trứng gia cầm nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan để sản xuất.  d) Đối với mặt hàng đường tinh luyện: Thương nhân có nhu cầu sử dụng đường tinh luyện nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan làm nguyên liệu sản xuất.  đ) Đối với mặt hàng đường thô: Thương nhân có nhu cầu sử dụng đường thô nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan để sản xuất đường tinh luyện. | Quy định về đối tượng được phân giao hạn ngạch thuế quan nhập khẩu cơ bản được kế thừa từ quy định tại Thông tư số 12/2018/TT-BCT, trong đó có chỉnh sửa, cập nhật để đảm bảo phù hợp trong quá trình thực thi. |
| **Điều 15. Cấp Giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan**  1. Trên cơ sở lượng hạn ngạch thuế quan công bố hàng năm và đăng ký của thương nhân, Bộ Công Thương xem xét cấp Giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan cho thương nhân.  2. Hồ sơ cấp Giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP, cụ thể như sau:  a) Đơn đăng ký hạn ngạch thuế quan nhập khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII kèm theo Thông tư này: 1 bản chính.  b) Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 1 bản sao có đóng dấu của thương nhân.  3. Quy trình cấp Giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP, cụ thể như sau:  a) Thương nhân nộp 1 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu có áp dụng) đến Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu), địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.  b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định hoặc cần bổ sung tài liệu giải trình, trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Công Thương thông báo để thương nhân hoàn thiện hồ sơ.  c) Thời hạn giải quyết việc cấp Giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan cho thương nhân là trong vòng 10 ngày làm việc, tính từ thời điểm phân giao theo quy định tại khoản 5 Điều 14 Thông tư này và Bộ Công Thương nhận được bộ hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.  Trường hợp không cấp giấy phép, Bộ Công Thương trả lời thương nhân bằng văn bản và nêu rõ lý do.  4. Thương nhân có trách nhiệm báo cáo định kỳ hằng quý trước ngày 10 của tháng đầu tiên quý kế tiếp hoặc đột xuất bằng văn bản qua dịch vụ bưu chính về tình hình thực hiện nhập khẩu theo yêu cầu của Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu) theo mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này.  Trước ngày 30 tháng 9 hằng năm, thương nhân có báo cáo (thay cho báo cáo quý III) gửi qua dịch vụ bưu chính đến Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu) đánh giá khả năng nhập khẩu cả năm đó, đề nghị điều chỉnh tăng, giảm hạn ngạch nhập khẩu được cấp hoặc báo cáo số lượng hàng hóa không có khả năng nhập khẩu để phân giao cho thương nhân khác.” | **Điều 9. Quy trình, thủ tục cấp thông báo phân giao hạn ngạch thuế quan nhập khẩu theo xét duyệt hồ sơ**  1. Hồ sơ đề nghị cấp thông báo phân giao hạn ngạch thuế quan nhập khẩu theo đối tượng thụ hưởng gồm:  a) Đơn đề nghị cấp thông báo phân giao hạn ngạch thuế quan nhập khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục III kèm theo Thông tư này: 01 bản gốc hoặc bản sao điện tử trong trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến.  b) Tài liệu chứng minh thương nhân đáp ứng các tiêu chí theo quy định tại Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương: 01 bản sao có chữ ký và đóng dấu xác nhận sao y bản chính của thương nhân hoặc bản sao điện tử trong trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến.  2. Quy trình cấp thông báo phân giao hạn ngạch thuế quan nhập khẩu theo đối tượng thụ hưởng như sau:  a) Thương nhân nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, trực tiếp hoặc qua bưu chính đến Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu) hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của Bộ Công Thương.  b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu) thông báo để thương nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.  c) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, trong thời hạn 10 ngày kể từ thời điểm phân giao được công bố theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này, Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu) cấp thông báo phân giao hạn ngạch thuế quan nhập khẩu theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này cho thương nhân.  Trường hợp không phân giao hạn ngạch thuế quan nhập khẩu, Bộ Công Thương trả lời thương nhân bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Tách Điều 15 Thông tư 12/2018/TT-BCT thành 02 Điều gồm: Điều khoản về quy trình, thủ tục cấp thông báo phân giao hạn ngạch thuế quan theo đối tượng thụ hưởng và Điều khoản về chế độ báo cáo. Trong đó:  - Sửa tên thủ tục hành chính là cấp thông báo phân giao hạn ngạch thuế quan nhập khẩu theo xét duyệt hồ sơ để phù hợp với quy định về các phương thức phân giao tại dự thảo Thông tư và thể hiện đúng nội hàm của biện pháp quản lý theo hạn ngạch thuế quan, không phải quản lý theo giấy phép nhập khẩu.   * Về thành phần hồ sơ đề nghị: cắt giảm 01 thành phần hồ sơ là Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đồng thời bổ sung 01 thành phần hồ sơ là tài liệu chứng minh thương nhân đáp ứng các tiêu chí theo quy định tại Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương * Quy trình, thời gian xử lý hồ sơ về cơ bản được kế thừa từ quy định tại Thông tư số 12/2018/TT-BCT. * Về chế độ báo cáo: cơ bản kế thừa từ quy định tại Điều 15 Thông tư 12/2018/TT-BCT, tuy nhiên sửa đổi thời gian thương nhân phải nộp báo cáo đánh giá khả năng nhập khẩu cả năm (thay báo cáo quý III) từ “30 tháng 9 hằng năm” thành “trước ngày 10 tháng 10 hằng nằm” để thống nhất với quy định về báo cáo định kỳ các quý ở điều khoản trên. |
| **Điều 10. Chế độ báo cáo**  1. Thương nhân được phân giao hạn ngạch thuế quan nhập khẩu có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng quý về tình hình thực hiện nhập khẩu hàng hóa theo hạn ngạch thuế quan đã được phân giao theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này và gửi về Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu) trước ngày 10 của tháng đầu tiên của Quý tiếp theo hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu).  2. Thương nhân được phân giao hạn ngạch thuế quan nhập khẩu có trách nhiệm báo cáo, đánh giá khả năng nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan cả năm đó, đề nghị điều chỉnh tăng, giảm lượng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu được cấp và báo cáo số lượng hàng hóa không có khả năng nhập khẩu để phân giao cho thương nhân khác (thay cho báo cáo Quý III) gửi Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu) ***trước ngày 10 tháng 10 hàng năm***. |  |
|  | **Điều 10. Quy trình, thủ tục cấp thông báo phân giao hạn ngạch thuế quan nhập khẩu theo phương thức đấu giá**  1. Hồ sơ đề nghị cấp thông báo phân giao hạn ngạch thuế quan nhập khẩu theo phương thức đấu giá gồm:  a) Đơn đăng ký tham gia đấu giá hạn ngạch thuế quan nhập khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này: 01 bản chính hoặc bản sao điện tử trong trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến.  b) Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện về đối tượng tham gia đấu giá (nếu có): 01 bản sao có chữ ký và đóng dấu xác nhận sao y bản chính của thương nhân hoặc bản sao điện tử trong trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến.  2. Quy trình đấu giá hạn ngạch thuế quan nhập khẩu thực hiện theo quy định về pháp luật đấu giá tài sản.  3. Trong vòng 14 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp tiền trúng đấu giá, Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu) cấp thông báo phân giao hạn ngạch thuế quan nhập khẩu theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này cho thương nhân trúng đấu giá đã hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền trúng đấu giá theo quy định của Luật đấu giá tài sản. | - Bổ sung quy định về quy trình, thủ tục cấp thông báo phân giao hạn ngạch thuế quan nhập khẩu theo phương thức đấu giá để đảm bảo tính thống nhất, minh bạch của văn bản pháp luật. |
|  | **Điều 12. Xuất khẩu, nhập khẩu kim cương thô**   1. Cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu kim cương thô thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục II Thông tư này và do các tổ chức phiến loạn hoặc các đồng minh của các tổ chức phiến loạn sử dụng để tài trợ cho các cuộc xung đột chống lại các chính quyền hợp pháp, được nêu trong các nghị quyết liên quan của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc ban hành từ trước đến nay và hiện vẫn còn hiệu lực, hoặc trong những nghị quyết tương tự khác của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc có thể được thông qua trong tương lai, cũng như được nêu và được thừa nhận trong Nghị quyết số 55/56 của Đại hội đồng Liên hợp quốc hoặc trong những nghị quyết tương tự khác của Đại hội đồng Liên hợp quốc có thể sẽ được thông qua trong tương lai.   2. Thương nhân chỉ được phép xuất khẩu, nhập khẩu kim cương thô thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục II Thông tư này với các nước thành viên của Quy chế Chứng nhận KP.  Bộ Công Thương thông báo Danh sách các nước thành viên của Quy chế Chứng nhận KP tại Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương và Cổng dịch vụ công của Bộ Công Thương.  2. Các lô hàng kim cương thô chỉ được phép xuất khẩu tới nước thành viên khi có Giấy chứng nhận KP theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này do Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu) cấp.  3. Các lô hàng kim cương thô chỉ được phép nhập khẩu từ nước thành viên khi có Giấy chứng nhận KP hợp lệ do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu là nước thành viên cấp.  4. Thương nhân nhập khẩu kim cương thô phải thực hiện xác nhận nhập khẩu theo quy định tại Điều 13 Thông tư này.  5. Các lô hàng kim cương thô nhập khẩu, xuất khẩu phải được vận chuyển trong các công-ten-nơ chống trộm cắp và dấu niêm phong không bị phá.  **Điều 13. Hồ sơ, quy trình cấp Giấy chứng nhận KP**  1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận KP gồm:  a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận KP theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này: bản điện tử  b) Bản khai hoàn chỉnh Giấy chứng nhận KP theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này: 01 bản gốc và 03 bản sao.  c) Giấy chứng nhận KP do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận nhập khẩu: 01 bản gốc.  d) Hoá đơn thương mại: bản điện tử.  đ) Phiếu đóng gói: bản điện tử.  e) Hợp đồng gia công và định mức gia công đã đăng ký với cơ quan Hải quan: bản điện tử.  g) Tờ khai hải quan xuất khẩu (đã thông quan): bản điện tử.  h) Vận tải đơn hoặc các chứng từ vận tải tương đương: bản điện tử.  2.Các chứng từ quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều này, thương nhân có thể nộp sau cho Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu) trong 15 ngày kể từ ngày hoàn thành thủ tục hải quan cho lô hàng kim cương thô xuất khẩu.  3. Trường hợp thương nhân không nộp hồ sơ đúng thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều này, Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu) tạm ngừng cấp Giấy chứng nhận KP cho các lô hàng xuất khẩu tiếp theo của thương nhân cho đến khi thương nhân hoàn trả đầy đủ chứng từ quy định tại khoản 2 Điều này. Đồng thời, Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu) gửi văn bản thông báo tới cơ quan Hải quan về vi phạm của thương nhân để cơ quan Hải quan xem xét tạm ngừng làm thủ tục hải quan cho các lô hàng xuất khẩu hoặc nhập khẩu kim cương thô tiếp theo của thương nhân. Khi đã hoàn trả đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này, Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu) có văn bản thông báo tới cơ quan Hải quan để thương nhân tiếp tục được phép nhập khẩu, xuất khẩu kim cương thô.  4. Quy trình cấp Giấy chứng nhận KP  a) Thương nhân khai báo hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận KP theo quy định tại khoản 1 Điều này qua Cổng dịch vụ công của Bộ Công Thương và gửi trực tiếp hoặc qua bưu chính Giấy chứng nhận KP (01 bản gốc và 03 bản sao) và Giấy chứng nhận KP do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận nhập khẩu (01 bản gốc) theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này về Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu) theo địa chỉ quy định tại Phụ lục IX Thông tư này.  Trường hợp thay đổi địa chỉ tiếp nhận hồ sơ quy định tại Phụ lục IX Thông tư này, Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu) thông báo địa chỉ mới tại Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương và Cổng dịch vụ công của Bộ Công Thương.  b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu) thông báo để thương nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.  c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và đúng quy định, Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu) cấp Giấy chứng nhận KP cho thương nhân.  d) Trong trường hợp nhận thấy việc kiểm tra trên hồ sơ là chưa đủ căn cứ để cấp Giấy chứng nhận KP hoặc phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật đối với các Giấy chứng nhận KP đã cấp trước đó, Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu) chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành kiểm tra tại nơi sản xuất của thương nhân.  Quy trình, thủ tục kiểm tra tại nơi sản xuất của thương nhân được thực hiện theo quy định của pháp luật về hoạt động kiểm tra chuyên ngành.  Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có Thông báo kết luận của Đoàn kiểm tra về việc thương nhân đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận KP và Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu) nhận được bộ hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu) cấp Giấy chứng nhận KP cho thương nhân. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận KP, Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu) có văn bản trả lời thương nhân, nêu rõ lý do.  **Điều 14. Hồ sơ, quy trình xác nhận nhập khẩu kim cương thô**   1. Hồ sơ đề nghị xác nhận nhập khẩu kim cương thô gồm:   a) Đơn đề nghị xác nhận nhập khẩu kim cương thô theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này: bản điện tử.  b) Giấy chứng nhận KP cho lô hàng nhập khẩu do cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu cấp: 01 bản gốc và 03 bản sao.  c) Tờ khai Hải quan nhập khẩu (đã thông quan): bản điện tử.  2. Quy trình xác nhận nhập khẩu kim cương thô  a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tờ khai nhập khẩu được thông quan, thương nhân nhập khẩu kim cương thô thực hiện khai báo hồ sơ đề nghị xác nhận nhập khẩu kim cương thô qua Cổng dịch vụ công của Bộ Công Thương và gửi qua bưu chính Giấy chứng nhận KP (01 bản gốc và 03 bản sao) về Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu) theo địa chỉ quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này.  b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu) thông báo để thương nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.  c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và đúng quy định, Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu) xác nhận nhập khẩu vào phần bên phải của Giấy chứng nhận KP và 03 bản sao và gửi kết quả qua đường bưu chính theo địa chỉ đăng ký của thương nhân.  3. Trường hợp thương nhân không nộp hồ sơ đúng thời hạn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu) gửi văn bản thông báo tới cơ quan Hải quan về vi phạm của thương nhân để cơ quan Hải quan xem xét có cơ chế kiểm soát đối với các lô hàng xuất khẩu hoặc nhập khẩu kim cương thô tiếp theo của thương nhân. Khi đã thực hiện đầy đủ quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu) có văn bản thông báo tới cơ quan Hải quan để thương nhân được phép nhập khẩu, xuất khẩu kim cương thô.  **Điều 15. Hiệu lực của Giấy chứng nhận KP**  Giấy chứng nhận KP có hiệu lực trong vòng 02 tháng kể từ ngày cấp. Trong trường hợp lô hàng kim cương thô đã được cấp Giấy chứng nhận KP nhưng chưa được xuất khẩu trong khoảng thời gian đó, thương nhân phải nộp lại Giấy chứng nhận KP cho Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu). | Bổ sung quy định về: xuất khẩu, nhập khẩu kim cương thô, quy trình, thủ tục ***cấp Giấy chứng nhận KP, xác nhận nhập khẩu kim cương thô, hiệu lực Giấy chứng nhận KP,*** cách thức cập nhật Danh sách các nước thành viên của Quy chế Chứng nhận KP để tạo thuận lợi cho cơ quan quản lý nhà nước trong việc công bố thông tin.  Bổ sung quy định về kim cương thô cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu  Về cơ bản, các quy định này được kế thừa từ quy định tại Thông tư liên tịch số **04/2009/TTLT-BTC-BCT, tuy nhiên, đã rà soát, điều chỉnh lại kết cấu theo hướng:**  + Bãi bỏ các quy định liên quan đến thủ tục xác nhận nhập khẩu kim cương thô tại cơ quan Hải quan theo phương án cắt giảm đơn giản hóa thủ tục hành chính tại Quyết định số 1848/QĐ-TTg phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài chính.  + Chỉnh sửa tên cơ quan có thẩm quyền cấp xác nhận nhập khẩu kim cương thô và cấp giấy chứng nhận KP cho kim cương thô xuất khẩu tại dự thảo Thông tư là Cục Xuất nhập khẩu, Bộ Công Thương để phù hợp với quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ.  + Bổ sung chế tài xử lý đối với trường hợp thương nhân không nộp đầy đủ hồ sơ theo quy định tại dự thảo Thông tư.  + Chỉnh sửa quy định về phương thức nộp hồ sơ điện tử để rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ cho thương nhân. |
| **Điều 16. Điều khoản chuyển tiếp**  Các giấy phép do Bộ Công Thương cấp cho thương nhân theo quy định tại các văn bản hướng dẫn thi hành Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài trước khi Thông tư này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo các nội dung và thời hạn hiệu lực của các giấy phép đã được cấp. | **Điều 17. Điều khoản chuyển tiếp**  Các Giấy phép do các cơ quan có thẩm quyền cấp cho thương nhân theo quy định tại Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; Thông tư liên tịch số 14/2009/TTLT-BCT-BTC ngày 23 tháng 06 năm 2009 của Bộ Công Thương và Bộ Tài chính hướng dẫn việc cấp chứng nhận và thủ tục nhập khẩu, xuất khẩu kim cương thô nhằm thực thi các quy định của Quy chế Chứng nhận Quy trình Kimberley trước khi Thông tư này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo các nội dung và thời hạn hiệu lực của các Giấy phép đã được cấp. |  |
| **Điều 17. Hiệu lực thi hành**  1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.  2. Thông tư này bãi bỏ các văn bản sau đây:  a) Thông tư số 04/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài.  b) Thông tư số 11/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ Công Thương quy định hoạt động tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, chuyển khẩu hàng hóa.  c) Thông tư số 49/2015/TT-BCT ngày 21 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định về hoạt động sản xuất, gia công xuất khẩu quân phục cho các lực lượng vũ trang nước ngoài.  3. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu phát sinh vướng mắc, thương nhân, các cơ quan, tổ chức có liên quan phản ánh bằng văn bản về Bộ Công Thương để xử lý./. | **Điều 18. Hiệu lực thi hành**  1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày … tháng … năm ...  2. Thông tư này bãi bỏ toàn bộ các văn bản sau đây:  - Bãi bỏ Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương;  - Bãi bỏ Thông tư số 11/2022/TT-BCT ngày 27/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc phân giao hạn ngạch thuế quan nhập khẩu đối với mặt hàng đường theo phương thức đấu giá;  - Bãi bỏ Thông tư số 04/2020/TT-BCT ngày 22/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về đấu giá hạn ngạch thuế quan nhập khẩu ô tô đã qua sử dụng theo Hiệp định Đối tác toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương;  - Bãi bỏ Thông tư số /2026/TT-BCT ngày…../01/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2020/TT-BCT ngày 22/01/2020;  - Bãi bỏ Thông tư số 25/2012/TT-BCT ngày 17 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 14/2009/TTLT-BCT-BTC;  - Thông tư số 04/2007/TT-BTM ngày ngày 04 tháng 04 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Thương mại hướng dẫn thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu, gia công, thanh lý hàng nhập khẩu và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo Luật Đầu tư.  - Thông tư liên tịch số 14/2009/TTLT-BCT-BTC ngày 23 tháng 06 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc cấp chứng nhận và thủ tục nhập khẩu, xuất khẩu kim cương thô nhằm thực thi các quy định của Quy chế Chứng nhận Quy trình Kimberley.  - Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BCT-BTC ngày 03 tháng 01 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương và Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư liên tịch số 14/2009/TTLT-BCT-BTC.  3. Thông tư này bãi bỏ một phần các văn bản sau đây:  - Bãi bỏ Điều 25 Thông tư số 42/2019/TT-BCT ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành;  - Bãi bỏ khoản 1 Điều 1 và Phụ lục I Thông tư số 08/2023/TT-BCT ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều quy định Danh mục chi tiết theo mã số HS của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ban hành kèm theo một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương;  2. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu phát sinh vướng mắc, thương nhân, các cơ quan, tổ chức có liên quan phản ánh bằng văn bản về Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu) để xử lý.  3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu trong Thông tư này bị thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản thay thế hoặc văn bản đã được sửa đổi, bổ sung./. | Thông tư bãi bỏ:   * Thông tư số 12/2018/TT-BCT * Các Thông tư có liên quan quy định về hạn ngạch thuế quan đối với từng mặt hàng cụ thể. * Các Thông tư, Thông tư liên tịch liên quan đến xuất nhập khẩu kim cương thô theo quy trình KP. * Thông tư số 04/2007/TT-BTM do các căn cứ ban hành Thông tư này đã hết hiệu lực, một số quy định tại Thông tư số 04/2007/TT-BTM mà cần tiếp tục duy trì đã được kế thừa, quy định tại Nghị định số /2026/NĐ-CP, do đó, cần bãi bỏ Thông tư này. |
| **Phụ lục I – Danh mục hàng tiêu dùng, thiết bị y tế, phương tiện đã qua sử dụng cấm nhập khẩu** | Phụ lục I – Danh mục hàng tiêu dùng, phương tiện đã qua sử dụng cấm nhập khẩu | Điều chỉnh, rà soát các mặt hàng thuộc Danh mục, đảm bảo đúng thẩm quyền quản lý đối với hàng hóa đã qua sử dụng cấm nhập khẩu quy định tại Nghị định số /2026/NĐ-CP |
| **Phụ lục II – Danh mục hàng hóa tạm ngừng kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu** | **Phụ lục II –Danh mục kim cương thô xuất khẩu, nhập khẩu theo Quy chế Chứng nhận Quy trình Kimberley.** | Bãi bỏ Danh mục hàng hóa tạm ngừng kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu để quy định tại Thông tư riêng.  Đồng thời bổ sung Danh mục kim cương thô xuất khẩu, nhập khẩu theo Quy chế Chứng nhận Quy trình Kimberley. |
| **Phụ lục III, IV, V, VI, VII, VIII, IX, X, XI**  + Mẫu đơn đề nghị cấp CFS.  + Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất; tạm xuất, tái nhập và chuyển khẩu.  + Mẫu báo cáo tình hình thực hiện Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu.  + Mẫu đơn đề nghị cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất.  + Mẫu Giấy xác nhận việc ký quỹ của doanh nghiệp.  + Mẫu báo cáo định kỳ tình hình kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa.  + Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa.  + Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất, gia công xuất khẩu quân phục cho các lực lượng vũ trang nước ngoài.  + Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu hàng mẫu quân phục. |  | Bãi bỏ các Phụ lục này vì đã quy định tại Nghị định số /2026/NĐ-CP |
|  | - Phụ lục III: Đơn đề nghị cấp thông báo phân giao hạn ngạch thuế quan nhập khẩu;  - Phụ lục IV: Thông báo phân giao hạn ngạch thuế quan nhập khẩu;  - Phụ lục V: Đơn đăng ký tham gia đấu giá hạn ngạch thuế quan nhập khẩu;  - Phụ lục VI: Báo cáo tình hình thực hiện nhập khẩu hàng hóa theo hạn ngạch thuế quan;  - Phụ lục VII: Giấy chứng nhận KP;  - Phụ lục VIII: Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận KP;  - Phụ lục IX: Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ xác nhận nhập khẩu và cấp giấy chứng nhận KP;  - Phụ lục X: Đơn đề nghị xác nhận nhập khẩu kim cương thô; | Bổ sung các Phụ lục quy định về mẫu đơn, mẫu báo cáo để tuân thủ quy định về thủ tục hành chính theo pháp luật hiện hành. |
| **Phụ lục XII**  **BIỂU MẪU CUNG CẤP THÔNG TIN** | **Phụ lục XI**  **BIỂU MẪU CUNG CẤP THÔNG TIN** | Rà soát, bổ sung, chỉnh sửa các biểu mẫu cung cấp thông tin theo nhu cầu quản lý. |